TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2019/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 29 tháng 10 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1976;
- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1976;

Đều ở địa chỉ: Khu L, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Hoàng Văn Đ, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu L, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L:* Ông Bùi Đức D - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 35, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Hoàng Văn Th.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị L và anh Th có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Văn Y, sinh ngày 04/8/1996 và cháu Hoàng Thị Thu Tr, sinh ngày 12/11/2009. Hiện nay, cháu Y đã thành niên, tự lao động nuôi bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh Th được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tr đến khi thành niên. Chị L không cấp dưỡng nuôi con chung do anh Th không yêu cầu. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

2.2. *Về tài sản chung*:

* Chị L và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản đối với thửa đất số 149 diện tích 3,3 ha và thửa số 222 diện tích 1,9ha, tờ bản đồ số F48 – 103-A-e – 2 tại đồi Sình và đồi Suối Tô thuộc xóm L, xã Th, huyện Thanh Sơn (nay là huyện T), tỉnh Phú Thọ; mục đích sử dụng: kinh doanh lâm nghiệp được UBND huyện Thanh Sơn (nay là huyện T) giao theo Quyết định số: 185/QĐ-UB ngày 17/6/1997 đứng tên hộ anh Hoàng Văn Th và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng), do anh Th bán cây Keo mà có (hiện anh Th đang quản lý). Anh Đ không có ý kiến gì về thửa đất lâm nghiệp đứng tên hộ anh Hoàng Văn Th.

** Chị L và anh Th nhất thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn cụ thể như sau:*

- Anh Th được quyền sở hữu các tài sản chung của vợ chồng đã được định giá theo Biên bản định giá ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá huyện T gồm:

+ 01 ngôi nhà cấp IV năm 2007, tổng diện tích sàn là: **S**= 10,3 x 5,5 = 57 m^2 có giá: 43.545.000 đồng.

+ Nhà bếp: Được xây chung một bức tường với phần tiếp giáp nhà chính, bếp xây gạch Bê tông xi măng, mái lợp proximang có tổng diện tích là: **S**= 3,3 x 2,6 = 9 m^2 có giá: 6.750.000 đồng.

+ Chuồng gà: Được bao quang bằng lưới thép B40 kích thước 5,5 x 4 x 1,5, bổ trụ gạch chỉ 0,4 x 0,4, mái lợp pro xi măng có giá: 7.634.000 đồng.

+ Ao: Đổ xung quang bằng bê tông, kích thước 18m x 6m x 1,1m có giá: 3.707.000 đồng.

+ Giếng khoan: Chiều sâu 18m, có giá: 6.674.000 đồng.

+ Giếng đào: Đường kính 1m, sâu 9m có giá: 2.780.500 đồng.

+ Tường rào: Phần đóng cọc, rào lưới B40 có kích thước: 54 x 1,2 m, có giá: 6.531.500 đồng.

+ Cây trồng trên đất: 02 cây mít đường kính 35 cm, có giá: 14.000.000 đồng; 02 cây xoan đường kính 40cm, có giá: 4.500.000 đồng; 10 bụi cây Tre = 100 cây, có giá: 2.500.000 đồng.

+ Tài sản khác: 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da Wave RSX mua năm 2009, có giá: 8.167.000 đồng.

Toàn bộ tài sản trên đều ở trên thửa đất có chỉ giới: 1,2,3,4,5,6,12,13,14,1 diện tích = 1381,3m^2 (*có sơ đồ kèm theo*) tại Khu L xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có giấy tờ gì về đất.

Tổng giá trị tài sản anh Th được sở hữu là: 106.798.000 đ.

- Chị L được quyền sở hữu tài sản có giá trị gồm:

+ Tường rào: Phần xây gạch Bê tông xi măng: Có kích thước: 40m x 1m; 02 trụ cổng xây gạch bê tông xi măng 0,4 x 0,4 m cao 1,8m, có giá: 7.634.000 đ;

+ Cây trồng trên đất: 7 bụi cây Tre = 70 cây, có giá: 1.750.000 đồng; 01 bụi cây Bương = 10 cây, có giá: 250.000 đồng; 07 cây Sưa đường kính 9 cm (chị L và anh Th không yêu cầu định giá).

Toàn bộ tài sản trên đều ở trên thửa đất có chỉ giới: 6,7,8,9,10,11,12,6 diện tích = 1199,9m^2 (*có sơ đồ kèm theo*) tại Khu L, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Đất hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không có giấy tờ gì về đất.

Tổng giá trị tài sản chị L được sở hữu là: 9.634.000 đ.

- *Về Th toán tiền chênh lệch chia tài sản:* Anh Th có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho chị L số tiền: 50.000.000 đ (năm mươi triệu đồng). Thời điểm thanh toán là ngày 28/12/2019.

- *Giá trị tài sản anh Th và chị L được quyền sở hữu sau khi thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau là:*

+ Chị L được quyền sở hữu tài sản chung có giá trị: 59.634.000 đ (năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn đồng).

+ Anh Th được quyền sở hữu tài sản chung có giá trị: 56.789.000 đ (năm mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng).

2.3. *Về tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Chị L và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị L và anh Th được miễn nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số

326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã P,
huyện Y, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai